TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

Bản án dân sự sơ thẩm
Số: 07/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 07/4/2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Vũ Minh Trang, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viểm kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2020 về Tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo thủ tục rút gọn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Công D, sinh năm 1974, (Có mặt).

HKTT: Khu phố Yên Lã, phường K, Thị xã A, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1979, (Có mặt).

HKTT: Số 6 Trần Đại Nghĩa, khu 2, H, phường E, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án anh Lê Công D trình bày: Anh và chị Lê Thị M kết hôn vào ngày 22/02/2007. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường K, Thị xã A, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh tại phường K đến tháng 9/2012 thì chuyển lên sống tại thành phố Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2018 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do gia đình nhà vợ can thiệp vào cuộc sống vợ chồng. Từ tháng 12/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, anh

chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại phường K, thị xã A còn chị M và các con sống tại Bắc Ninh, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay vì các con, anh đề nghị Toà án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dậy con cái trưởng thành, nếu chị M không đồng ý và vẫn muốn ly hôn thì anh giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị M.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lê Công Bình D, sinh ngày 20/7/2008 và cháu Lê Thị Khánh L, sinh ngày 10/6/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị M. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết về tài sản, vợ chồng không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Lê Thị M trình bày: Chị và anh D kết hôn như anh D trình bày là đúng, nay anh D có đơn xin ly hôn, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, 12 năm sống cùng anh, chị không có hạnh phúc. Chị không đồng ý hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung như anh D trình bày là đúng. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị tại thành phố Bắc Ninh. Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị đều đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị có công việc ổn định, đủ thu nhập và thời gian để chăm sóc tốt cho các con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải; quá trình giải quyết tại Tòa án giữa các bên đương sự không thống nhất quan điểm;

Xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định và đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu chứng cứ rõ ràng đầy đủ đảm bảo việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã ra Thông báo đối với các đương sự về việc tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn;

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 316, Điều 317 và Điều 320 Bộ luật tố tụng Dân sự xử

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Công D và chị Lê Thị M.

- Về con chung: Giao cho anh D nuôi cháu Lê Công Bình D, sinh ngày 20/7/2008; Chị M nuôi cháu Lê Thị Khánh L, sinh ngày 10/6/2014. Cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công D kết hôn với chị Lê Thị M ngày 22/02/2007. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy anh D, chị M đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh D, chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh D giữ nguyên quan điểm xin

được ly hôn chị M, chị M cũng đồng ý ly hôn. Do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh D và chị M.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh D, chị M có 02 con chung là cháu Lê Công Bình D, sinh ngày 20/7/2008 và cháu Lê Thị Khánh L, sinh ngày 10/6/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị M. Tại phiên tòa anh D giữ nguyên quan điểm xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, chị M cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Trong bản tự khai và lời khai tại Tòa án cháu Bình Dương có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy các cháu còn nhỏ, rất cần sự quan tâm của cả bố và mẹ. Cả anh D và chị M đều tha thiết xin được nuôi hai con, nhưng để đảm bảo cuộc sống cũng như sự ổn định của các cháu, cháu Khánh L là con gái, đang ở tuổi phát triển và còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, do vậy cần giao cháu Khánh L cho chị M nuôi dưỡng. Đối với cháu Bình D là con trai, đã đến tuổi trưởng thành, cần sự chỉ bảo uốn dạy của người bố nên giao cháu Bình D cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D, chị M không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh D, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh Lê Công D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 235, 264, 266, 316, 317 và Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Công D và chị Lê Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Công Bình D, sinh ngày 20/7/2008 cho anh Lê Công D nuôi dưỡng. Chị Lê Thị M nuôi cháu Lê Thị Khánh L, sinh ngày 10/6/2014. Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 150.000đ án phí. Xác nhận anh D đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000201 ngày 17/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Hoàn trả anh D 150.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND T.p Bắc Ninh;
- THADS T.p Bắc Ninh;
- Các đ- ơng sự.
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Lan Hương